

Chính sách quản lí và sử dụng gạo của triều Nguyễn trong thời kỳ 1802 - 1858

Trần Việt Nghĩa*

*Khoa Lịch Sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 21 tháng 1 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 2 năm 2013; chấp nhận đăng ngày 19 tháng 3 năm 2013

Tóm tắt: Trong nửa đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn đã ban hành khá nhiều chính sách quản lí và sử dụng gạo ở Việt Nam. Điều này một mặt thể hiện sự quan tâm của triều Nguyễn đến đời sống của người dân, mặt khác nhằm duy trì quyền lực của chính quyền trung ương. Sự xiết chặt các hoạt động buôn bán gạo của triều Nguyễn đã kìm hãm sự phát triển của nền nông nghiệp Việt Nam, hạn chế sự giao thương giữa Việt Nam với quốc tế, và làm cho triều Nguyễn ngày càng lún sâu vào cuộc khủng hoảng kinh tế và xã hội.

Từ khi ra đời năm 1802 cho tới khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam năm 1858, triều Nguyễn luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến nông nghiệp. Tuy có những chính sách khuyến nông như đắp đê, nạo vét kênh mương, khai hoang, ban cấp quân điền, nhưng triều Nguyễn vẫn không thể nào ngăn cản được đà lao dốc của nông nghiệp. Ngành kinh tế trụ cột rơi vào khủng hoảng đã tác động dây chuyền đến toàn bộ hệ thống kinh tế, chính trị, xã hội, đối ngoại và an ninh quốc phòng của đất nước. Trong tình cảnh này, triều Nguyễn đã tìm mọi cách quản lí và sử dụng gạo nhằm đảm bảo an sinh xã hội và duy trì quyền lực của chính quyền trung ương.

1. Về quản lí gạo

1.1. Định đơn vị đo lường và giá gạo

Về đơn vị đo lường: Sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã lệnh cho Bộ Hộ sớm xác định đơn vị đo lường gạo để thuận tiện cho việc quản lí. Những vật dụng đo lường gạo chính thức của triều Nguyễn là phương, hộc, thăng, bát và cân. Năm 1805, vua Gia Long đưa ra quy định mức chuẩn như sau: “1 phương gạo là 13 thăng (bằng 30 bát) làm mức” [1, 636]. Trong các năm tiếp theo, các vật dụng và đơn vị đo lường gạo dần hoàn thiện. Tuy nhiên, mức quy định vua Gia Long ban bố năm 1805 vẫn là quy chuẩn chung.

*ĐT: 84-986376599

E-mail: vietnghia_77@yahoo.com

Việc xác định đơn vị đo lường gạo là cần thiết để phục vụ cho việc mua bán gạo, cũng như xác định mức thuế, lương cho quan quân và bổng lộc cho hoàng thất. Năm 1803, vua Gia Long định lệ lương bổng cho quan lại theo chức vị và phẩm hàm như sau: Quan Tham tri mỗi tháng được phát 30 quan tiền, 10 phượng gạo; quan lại làm việc tại các Bộ Hộ, Bộ Binh và Bộ Hình mỗi tháng được hưởng 30 quan tiền, 20 phượng gạo [1,576]. Năm 1843, triều Nguyễn cấp cho các thái trưởng và công chúa mỗi người 600 quan tiền và 300 phượng gạo [2, 283]. Triều Nguyễn không cố định mức lương, thưởng và bổng lộc, mà có sự thay đổi theo năm. Tuy nhiên định mức thay đổi không lớn, thường mang ý nghĩa tượng trưng.

Về giá gạo: Triều Nguyễn buộc các địa phương phải tâu báo giá gạo theo định kỳ. Tuy nhiên việc tâu giá gạo ở mỗi triều vua, mỗi địa phương có sự khác nhau nhất định. Năm 1808, vua Gia Long đã “hạ lệnh cho các thành dinh trấn đạo đều xét trong hạt giá gạo đắt rẻ, tình hình công việc làm ruộng và nắng mưa thế nào, mỗi tháng tâu một lần, duy 6 trấn ngoại ở Bắc Thành thì ba tháng tâu một lần” [1,738].

Năm 1820, vua Minh Mệnh quy định xứ Quảng Đức “phàm tình hình nắng mưa và giá gạo cứ hằng tháng một lần tâu lên” [3,75]. Năm 1828, triều đình yêu cầu các trấn vào Nam đến Bình Thuận, ra Bắc đến Bắc Ninh mỗi tháng phải tâu báo giá gạo một kỳ [3,743]. Nguyên nhân là do giá gạo tại các trấn này không ổn định so với một số nơi khác.

Năm 1844, vua Thiệu Trị đặt lại lệ tâu báo giá gạo như sau: “Từ sau, phàm thành sở thu hoạch, mỗi năm cứ lấy giá gạo cao hạ về mùa hạ, mùa thu, chia làm bốn tháng quý, đều làm thành quyển sổ tiến trình. Việc này được đặt làm lệ mãi mãi” [2,87]. Nhà vua yêu cầu nếu giá gạo ở địa phương nào tăng đột biến thì phải

báo cáo ngay về triều đình. Lý do vua Thiệu Trị buộc các địa phương phải nhanh chóng tâu báo giá gạo là vì các tỉnh, trấn tâu báo không đều, có nơi hai hay ba tháng mới tâu báo một lần, việc báo giá lại không chi tiết và giá gạo thường tăng giảm đột ngột. Do việc báo giá không đều đặn, kịp thời và cụ thể nên triều đình không kiểm soát hết được thị trường gạo trong nước, không điều hòa được giá gạo trong lúc cấp thiết, từ đó không nắm bắt chính xác được đời sống nhân dân ở các địa phương. Xiết chặt việc quản lý giá gạo thông qua việc bắt buộc các địa phương phải tâu báo đều đặn là một việc làm cần thiết để triều đình điều tiết thị trường gạo tốt hơn, tăng quyền uy của triều đình trung ương với địa phương, đồng thời thể hiện sự chăm lo của triều đình tới đời sống nhân dân.

Triều Nguyễn rất muốn định mức giá gạo chuẩn để các địa phương áp dụng, nhưng trong thực tế giá gạo thường biến động mạnh bởi rất nhiều yếu tố khác nhau. Năm nào thiên nhiên thuận hòa, nông nghiệp được mùa thì giá gạo rẻ. Ví dụ năm 1815, vùng Gia Định được mùa nên giá gạo rẻ, khoảng 5 tiền 1 phượng gạo [1, 898]. Năm 1823, giá gạo vùng Gia Định cũng chỉ ở mức 6 tiền 1 phượng gạo [3,274]. Thanh Hóa - Nghệ An là nơi luôn ở trong tình trạng thiếu gạo nên giá gạo thường tăng mà ít giảm. Năm 1825, giá gạo ở Thanh Hóa - Nghệ An bất ngờ giảm đáng kể. Ở Thanh Hóa giá gạo xoay quanh mức trên dưới 7 tiền 1 phượng gạo, Nghệ An đắt hơn một chút với mức là từ 9 tiền đến 1 quan tiền 1 phượng gạo [3,417].

Do giá gạo ở các địa phương đắt rẻ khác nhau, nên năm 1826 vua Minh Mệnh ra chỉ dụ thông báo giá gạo chuẩn như sau: “Chỗ nào gạo đắt thì định giá 1 hộ thóc = 1 quan tiền. Gạo rẻ thì giảm đi 2/10” [3,516]. Trong thực tế các địa phương rất khó áp dụng mức giá chuẩn của triều đình do thị trường gạo luôn diễn biến rất

phức tạp, thường vượt ra khỏi sự kiểm soát của triều đình.

Năm nào thiên tai, mất mùa và loạn lạc thì giá gạo lập tức tăng vọt. Năm 1824, giá gạo ở Thanh Hóa lên tới 2 quan 6 tiền 1 phượng gạo [3,366]. Năm 1830, dân chúng ở Bắc Thành bỏ ra hơn 3 quan tiền mới mua được 1 phượng gạo. Từ năm 1802 - 1858 nước ta có tới 38 lần mưa bão lớn gây lụt lội trên diện rộng, 16 lần vỡ đê. Ngoài nạn thiên tai thì thiên địch cũng dẫn đến mất mùa. Năm 1817 và 1822, ở Quảng Nam có nạn dịch sâu keo và châu chấu phá lúa làm sụt giảm năng suất.

Nạn đầu cơ tích trữ cũng làm tăng giá gạo. Năm 1822, vua Minh Mệnh thừa nhận vấn nạn này như sau: “Trong dân gian gạo đắt là vì nhà giàu tích trữ để cầu giá cao nên đến nỗi thế” [3, 232]. Nhà buôn gạo thường lợi dụng những năm thuyền chở gạo từ Nam ra Bắc gặp khó khăn do thời tiết không thuận lợi liền găm hàng để trục lợi: “Bọn nhà giàu đánh cao giá để được lợi nhiều, nên giá gạo ngày càng cao”, nhân dân trong các trấn thiếu gạo ăn [4,24-25]. Ngoài ra việc vận chuyển gạo còn phụ thuộc vào tình hình thực tế như nhu cầu, sản lượng thu được và thời tiết nên mỗi năm mỗi khác. Năm 1842 số lượng thuyền gạo từ miền Nam ra bến Thừa Thiên là 70 chiếc, trong khi đó năm 1841 là hơn 200 chiếc. Do số thuyền gạo chở ra ít hơn nên giá gạo ở đây lập tức tăng nhanh [5, 207].

Nam Kỳ với trung tâm là Gia Định là vựa lúa lớn nhất cả nước, là nơi cung cấp gạo chủ yếu cho các tỉnh từ Bình Định trở ra Bắc Kỳ. Giá gạo ở Gia Định luôn tác động mạnh đến giá gạo trong nước. Muốn hạ giá gạo trong nước thì trước hết phải tìm cách hạ giá gạo ở Gia Định. Vì vậy, triều Nguyễn muốn kiểm soát chặt chẽ giá gạo ở đây để điều tiết thị trường gạo trong nước.

1.2. Vận chuyển và lưu trữ gạo

Về vận chuyển: Căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể mà triều Nguyễn định mức thuế nhập cảng cho các thuyền buôn trong và ngoài nước. Thuyền chở gạo công cho triều đình được miễn trừ thuế. Thuyền buôn nước ngoài đến bán gạo được hưởng ưu đãi thuế.

Năm 1804, triều Nguyễn định lệ bù hao cho các thuyền vận tải chở gạo như sau. Cứ 100 phượng gạo chở từ Gia Định về Kinh thành được bù hao 2 phượng, từ Bình Thuận về được bù 1 phượng 25 bát, từ Bình Hòa về được bù 1 phượng 20 bát [1,614]. Năm 1823, triều Nguyễn ưu đãi cho các thuyền buôn ở Gia Định khi chở gạo đến Kinh thành bán được miễn thuế thuyền cho cả năm sau đó [3, 309]. Năm 1830, vua Minh Mệnh ban dụ khuyến khích việc vận chuyển gạo từ Gia Định đến bán ở các địa phương: “Tự nay, phàm hạt nào bị gạo đắt, như gặp mùa xuân mùa hạ thuyền Nam tiện gió thì cho thành Gia Định thông sức cho các nhà buôn trong hạt, sắm cho nhiều thuyền chở gạo đến bán” [3, 25].

Thuyền buôn tư nhân chở hàng cho triều đình được miễn thuế, vận chuyển gạo công được hưởng ưu đãi thuế. Dụ năm 1823 của vua Minh Mệnh quy định: “Các thuyền buôn ở Gia Định có thể vụ đông này và xuân sang năm chở thóc gạo đến Kinh mà bán thì sẽ miễn cho thuế thuyền sang năm” [3, 309].

Năm 1825, triều Nguyễn khuyến khích thương nhân nước ngoài, nhất là ở Đại Đông, Chân Côn nước Xiêm (Thái Lan) và Hạ Châu (Singapore) chở gạo đến bán tại Hà Tiên bằng cách giảm một phần thuế. Ngoài ra, triều Nguyễn còn định chuẩn mức giảm thuế cảng cho thuyền buôn nước ngoài theo thứ bậc. Thuyền chở gạo từ 8 phần trở lên được miễn hết thuế, 5 phần trở lên thì được miễn 7 phần thuế, còn từ 3 phần trở lên thì được miễn nửa số

thuế. Quy định này được áp dụng cho hầu hết các thuyền buôn nước ngoài trong những năm tiếp theo [3, 440].

Năm 1849, triều Nguyễn định giá cước vận chuyên gạo như sau. Chở gạo công từ Quảng Nam, Quảng Trị về Kinh thành thì cứ 75 thăng được cấp giá cước là 2 thăng gạo, từ Quảng Ngãi, Quảng Bình về là 4 thăng gạo, từ Bình Định, Nghệ An và Hà Tĩnh về là 6 thăng gạo [6, 156]. Việc định mức cước theo hướng có lợi cho người vận chuyển đã góp phần điều hòa giá gạo giữa các địa phương trong nước.

Về lưu trữ: Triều Nguyễn thiết lập một hệ thống kho quân lương từ Bắc chí Nam. Một số kho quân lương quan trọng như Thi Nại, Bắc Thành và Gia Định. Một số địa phương thường mua thóc gạo để dự trữ quân lương khi giá gạo rẻ. Vào những năm mất mùa và giá gạo cao, triều đình lấy gạo trong các kho quân lương để chẩn cấp hoặc bán hạ giá cho dân chúng. Tháng 6-1835, triều đình lấy hơn 10.000 phương gạo ở kho Thường Bình để bán hạ giá cho dân chúng: “1 phương gạo trị giá 2 quan 4 tiền 30 đồng nay giảm xuống 1 quan 8 tiền” [7, 659]. Trong một số năm tiếp theo, triều đình đã sửa và xây dựng thêm một số kho quân lương như Quảng Tịnh số 2, Bình Thiếu và Thường Bình. Việc xây dựng các kho quân lương giúp triều Nguyễn tăng lượng tích trữ gạo để cấp phát cho quân đội và sử dụng trong những trường hợp cần thiết.

1.3. Cấm xuất khẩu gạo

Triều Nguyễn một mặt thực hiện chính sách đóng cửa với phương Tây, mặt khác vẫn duy trì quan hệ buôn bán với một số nước châu Á như Hạ Châu, Băng Cốc (Thái Lan) Giang Lưu Ba (Indonesia), Quảng Đông (Trung Quốc) và Lữ Tống (Philippine).

Năm 1803, vua Gia Long cấm các thuyền buôn nước ngoài mua gạo ở Việt Nam, đồng thời quy định các thuyền buôn nước ngoài đến nước ta khi xuất cảng chỉ được phép mua một lượng gạo theo hạn định làm lương thực: “Khi thuyền trở về, mua gạo để ăn, mỗi người được đóng 100 thăng làm hạn. Làm trái thì bị tội” [1, 547].

Triều Nguyễn nắm độc quyền về buôn bán gạo. Gạo chỉ được phép lưu thông và buôn bán trong nước. Chỉ có triều đình mới được bán gạo ra nước ngoài. Năm 1809, vua Gia Long ban dụ quy định những mặt hàng cấm dân chúng buôn bán là vàng, bạc, muối, gạo và tiền đồng [1, 762]. Tsuboi nhận xét: “Vấn đề gạo đặc biệt tế nhị, vì gạo là sản phẩm thiết yếu hàng đầu đối với người Việt Nam. Xuất khẩu gạo quá nhiều sẽ tạo ra thiếu hụt ngay chính tại Việt Nam, làm tăng giá” [8, 178].

Triều Nguyễn lo ngại việc xuất khẩu gạo có thể mang lại những hậu quả khó lường như không đảm bảo được an ninh lương thực trong nước, thiếu hụt nguồn dự trữ gạo, tăng giá gạo, thị trường gạo bị lũng đoạn và mất ổn định xã hội. Tuy nhiên, chính sách cấm xuất khẩu gạo của triều Nguyễn đã làm mất đi tính cạnh tranh của gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế, không khuyến khích được những người sản xuất gạo thương phẩm, làm cho nền kinh tế Việt Nam càng mang nặng tính chất tự cung tự cấp.

2. Về sử dụng gạo

1.2. Chẩn cấp gạo cho dân nghèo

Triều Nguyễn thường chẩn cấp gạo cho dân nghèo vào những năm đói kém, mất mùa và giá gạo tăng cao. Năm 1803, triều đình đã phát hơn 5.000 phương gạo trong kho dự trữ để chẩn cấp

cho dân vùng Quảng Nam, châu Bố Chính ngoài được phát hơn 1.500 phương gạo, và Nghệ An được phát 35.000 phương gạo [1, 569]. Năm 1819, triều đình phát 5.000 phương gạo cho dân Bắc Thành [1,783]. Năm 1844, do giá gạo ở tỉnh Gia Định đắt đỏ nên triều đình phát cho mỗi người nghèo tưng 1 quan tiền, 10 bát gạo [2,137]; còn ở tỉnh Bình Định và Bình Thuận thì cấp cho người rất nghèo 5 bát gạo và 3 tiền, nghèo vừa 3 bát gạo và 2 tiền, trẻ con 1 bát gạo [2,122].

Ngoài hình thức chẩn cấp dưới dạng cho không, một số chính sách chẩn cấp khác của triều đình là giảm thuế, miễn thuế, hoặc cho dân chúng vay gạo. Trong những năm mất mùa đói kém, triều đình thường miễn thuế hoặc cho nông dân nợ sang năm sau. Năm 1803, vua Gia Long quyết định giảm 40% thuế điền cho Quảng Ngãi, hoãn thu 50% cho Quảng Đức, Quảng Nam, Quảng Trị và Quảng Bình, còn thuế vụ chiêm ở các trấn Bắc Thành thì nộp thay một nửa bằng tiền [1,560]. Năm 1823, triều đình hoãn thu thuế cho các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Bình, Quảng Ngãi và Bình Định do gặp thiên tai và giá gạo tăng vọt [3,309]. Mùa xuân năm 1827, vua Minh Mệnh gia ơn 13 điều, trong đó có điều giảm 50% tiền thuế điền thổ cho dân chúng trong năm [3, 567].

Biện pháp giảm thuế, miễn thuế của triều đình tuy chỉ diễn ra vào những năm đói kém, nhưng nó đã góp phần giảm bớt gánh nặng tô thuế cho dân chúng và phần nào giúp triều đình ổn định đời sống nhân dân. Ngoài ra triều đình còn thuê dân nghèo vào làm tại các công trình của triều đình. Năm 1819, triều đình đã cấp tiền và gạo cho hơn 10.000 dân Phiên An để họ đào kênh Thông ở Phiên An đến sông Mã Trường [1,982]. Năm 1827, triều đình thuê dân xây đắp thành các phủ huyện Tĩnh Gia, Diễn Châu và Thạch Hà bằng cách lấy công thay chẩn. Triều

đình cấp cho mỗi người dân 3 quan tiền và 2 phương gạo cho một tháng ngày công [3,344]. Năm 1833, triều đình thuê dân chúng ở Bắc Thành làm việc cho triều đình theo giá thỏa thuận là mỗi người được trả 1 uyen gạo và 20 đồng tiền cho một ngày công. Hình thức làm công thay phát chẩn này tuy tiền công không cao và việc làm có tính chất tạm thời, nhưng nó đã góp phần giải quyết cái đói trước mắt của một bộ phận dân chúng.

2.2. Bán gạo giảm giá cho dân chúng

Với vai trò là người điều tiết thị trường, triều Nguyễn luôn tìm cách hạ nhiệt giá gạo ở những nơi giá cao, cân bằng yếu tố cung và cầu gạo ở các địa phương, nhất là ở những nơi nguồn cung gạo dư dả như Nam Kỳ với những nơi luôn trong tình trạng khan hiếm gạo như Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Nếu triều Nguyễn điều hòa giá gạo không tốt sẽ gây sự bất ổn cả về kinh tế, chính trị và xã hội.

Thường những nơi nạn đói xảy ra ghê gớm, triều đình mới chẩn cấp gạo dưới dạng cho không, còn chủ yếu là bán gạo giảm giá hoặc cho dân chúng vay gạo. Năm 1804, triều đình bán 20.000 phương gạo giảm giá cho dân chúng thành Gia Định [1, 615]. Tháng 9-1804, do giá gạo ở Phú Yên tăng cao nên vua Gia Long lệnh cho Trấn thủ ở đây lấy gạo trong kho cho dân chúng vay [1, 616] Mùa xuân năm 1820, do giá gạo ở Quảng Bình tăng cao nên triều đình đã lấy 10.000 phương gạo trong các kho dự trữ để bán cho dân chúng với giá “1 phương gạo giá 8 tiền” [3,45]. Đây là mức giá mà triều đình đã điều chỉnh cho phù hợp giữa giá thị trường với đời sống nhân dân. Năm 1848, triều đình lấy gạo trong kho dự trữ để bán cho dân chúng Hà Tĩnh với giá 2 quan 1 tiền 1 phương gạo [6, 73]. Mức giá của triều đình tuy thấp hơn so với thị trường, nhưng vẫn còn cao so với dân nghèo.

Lý do giá gạo bán cho dân chúng luôn thay đổi là vì triều đình không có quy định cụ thể về số lượng gạo được phép bán cho dân, cũng như định mức giá cụ thể cho từng năm hay từng giai đoạn cho cả nước. Số lượng gạo triều đình bán ra đều tùy theo hoàn cảnh cụ thể của mỗi địa phương, theo giá thị trường để từ đó ấn định mức gạo và mức giá bán.

2.3. Xuất khẩu gạo sang một số nước châu Á

Tuy thực hiện chính sách đóng cửa với phương Tây, nhưng triều Nguyễn vẫn duy trì quan hệ thương mại với một số nước châu Á. Gạo là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của triều Nguyễn. Không chỉ bán triều Nguyễn còn cho những nước bị nạn vay gạo.

Triều Nguyễn đã sử dụng thuyền công để đem gạo đi bán. Năm 1824, vua Minh Mệnh tổ chức những đoàn sứ thần đi công cán ở Hạ Châu, Quảng Đông, Lữ Tống và Giang Lưu Ba. Nhân tiện triều đình đã đem một số mặt hàng nông lâm thủy sản đi bán ở những nước này như đường, tơ, dầu, da, muối, cá khô, yến sào, vây cá, ngà voi, nhưng nhiều nhất vẫn là gạo. Triều đình mua về một số mặt hàng thiết yếu, nhất là vũ khí.

Triều Thanh ở Trung Quốc cấm xuất khẩu những nguyên liệu quan trọng trong quân sự như sắt, gang, kẽm và lưu huỳnh, nhưng lại cần gạo của triều Nguyễn. Triều Nguyễn tuy cấm xuất khẩu gạo nhưng lại cần các nguyên liệu trên của triều Thanh để phục vụ nhu cầu quân sự. Vì vậy triều Nguyễn đặc cách cho các tàu Trung Hoa đến bán những hàng hóa triều đình đang cần và cho phép xuất khẩu gạo sang Trung Hoa. Trong khi đó chính quyền Quảng Đông ưu đãi cho các tàu Việt Nam sang Trung Hoa bán gạo. Chính sách hạn thương này đã không phản ánh đúng nhu cầu hàng hóa của hai bên, thực tế lại tiếp tay cho các hoạt động buôn lậu

ngâm. Từ thời vua Gia Long, triều Nguyễn thường đổi gạo lấy gang, kẽm, sắt và lưu huỳnh của thương nhân Trung Quốc: “Việc đổi chác tồn tại rất lâu dài, nhất là ở vùng rừng núi” [9, 145].

Đối với các nước gặp nạn, triều Nguyễn hỗ trợ bằng cách cho vay gạo và lương thực. Năm 1803, thương nhân nước Xiêm bị nạn đến xin triều đình bán gạo, vua Gia Long đồng ý với điều kiện số gạo bán ra phải chiếu theo nhân khẩu vừa đủ không được thừa [10, 579]. Năm 1804, nước Lữ Tống gặp nạn đói nên xin triều Nguyễn cho mua gạo tại thành Gia Định, vua Gia Long đồng ý bán cho 50 vạn cân gạo. Một lần nước Chân Lạp láng giềng xin mua gạo ở Gia Định nhưng không được triều Nguyễn chấp nhận. Đối với nước Xiêm và Chà Và, triều Nguyễn tỏ ra hào phóng trong việc cho vay và chần cấp gạo. Mục đích của triều Nguyễn là để giữ đúng lễ, nghĩa và hòa thuận với các nước phương xa. Năm 1810, thuyền buôn của một thương nhân người Xiêm tên là Ngô Ngành do bị bão đánh nên trôi dạt vào cửa biển Quảng Nam, vua Nguyễn đã cho vay hơn 1.000 phương gạo và cấp tiền cho về nước. Một dịp khác có thương nhân là Hoàng Bảo Hưng và Ma Liệt đi thuyền sang nước Trung Hoa thì gặp bão lớn, trôi dạt vào biển Bình Định, vua Nguyễn đã cấp 7.000 quan tiền và hơn 1.000 phương gạo cho họ về nước.

3. Xử lý những trường hợp vi phạm chính sách

3.1. Quan binh bán trộm gạo lương

Số gạo mà các quan binh đem bán chủ yếu là gạo lương hàng tháng họ được lĩnh từ triều đình. Mỗi binh lính thường được lĩnh khoảng 1 quan tiền và 1 phương gạo [4, 257]. Binh lính

bán trộm gạo lương là một nhân tố làm cho thị trường gạo mất ổn định. Năm 1832, lính Ninh Bình mượn cớ là đường xa đã đem gạo bán đi, rồi đong gạo ở chợ đã làm tăng giá gạo trên thị trường [4, 285]. Để ngăn chặn tình trạng này tái diễn, vua Minh Mệnh lập tức định lệ xử lý nghiêm khắc: “Nay thông dụ cho binh lính ở Kinh và ngoại: từ nay hễ đã lĩnh thóc gạo lương tháng, không được đem bán lại nếu trái lệnh thì không kể số tang vật nhiều hay ít, người mua và người bán đều bị phạt 100 trượng, còn binh lính phải đóng gông một tháng, người đầu mục cai quản và thư lại nếu là kẻ xui khiến thì trị tội thêm lên một bậc” [4, 285].

Việc chở trộm gạo là điều quốc cấm nhưng vẫn có người vi phạm. Năm 1832, giá gạo trong các trấn, hạt bị đẩy lên cao do Mạc Hữu Ni, Chánh đội trưởng suất đội cơ Hà Tiên, chở trộm gạo bán cho Hạ Châu [4, 308]. Mạc Hữu Ni được triều đình cử đi do thám tình hình nước Xiêm, nhưng đã ngầm đem gạo và đường bán ra nước ngoài. Triều đình đã nghiêm trị Mạc Hữu Ni để làm gương cho giới quan lại.

3.2. Dân chúng bán gạo lậu ra nước ngoài

Đối tượng bán gạo lậu trong nước ra nước ngoài chủ yếu là thương nhân và một bộ phận dân chúng ở Nam Kỳ, đặc biệt là Gia Định. Thành Gia Định là nơi tập trung nguồn gạo của xứ Nam Kỳ nên các hoạt động buôn bán gạo lậu ở đây diễn ra khá sôi động. Bất chấp lệnh cấm bán gạo của triều đình, không ít thương nhân vẫn bí mật chở trộm gạo trong nước bằng đường thủy để đem bán ở Hạ Châu hoặc bán cho thương nhân Thanh triều để kiếm lời. Năm 1803, vua Gia Long ra dụ yêu cầu Trấn thủ các dinh cho khám xét các thuyền buôn để ngăn chặn tình trạng chở trộm gạo ra nước ngoài [1, 550].

Trước thực trạng buôn bán gạo lậu trong dân chúng tăng lên, năm 1824 vua Minh Mệnh ban dụ định lại điều lệ cấm bán trộm thóc gạo. Dụ quy định rõ các điều khoản xử lý người vi phạm. Nếu người địa phương bắt được gian thương sẽ được thưởng những tang vật bắt được, quan địa phương sẽ bị giáng một cấp nếu không biết xét xử, người hạt khác bắt được tội phạm được thưởng như người trong hạt. Quan tham ăn tiền hối lộ mà xử nhẹ tội hoặc cố ý tha cho tội phạm sẽ bị xử tội thật nặng theo tang vật [3, 342].

Năm 1828, triều đình định lệ cấm: “Từ nay về sau cấm hết thuyền buôn nước ta không được đến Hạ Châu buôn bán, làm trái thì chiếu luật buôn lậu mà trị tội” [3, 749].

Mặc dù triều đình cấm ngặt và xử tội nặng người vi phạm, nhưng tình trạng buôn lậu gạo ra nước ngoài vẫn tiếp diễn. Trong những năm 1828-1832, do giá gạo ở một số nước trong khu vực đắt gấp 2 đến 5 lần giá gạo trong nước, nên có không ít người đã chở trộm gạo đi để bán cho người nước ngoài kiếm lời [4, 308]. Năm 1841, vua Thiệu Trị định lại các điều khoản về cấm bán trộm gạo và muối ở Nam Kỳ để ngăn chặn tình trạng thối lậu gạo ra nước ngoài [10, 365]. Nạn buôn lậu gạo đã làm cho thị trường gạo trong nước rất bấp bênh, ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống của dân nghèo.

3.3. Hoa thương mua gạo lậu

Trung Hoa luôn ở trong tình trạng thiếu gạo trầm trọng nên thương nhân người Hoa thường đến Việt Nam thu mua gạo lậu để chở về nước bán kiếm lời. Một trong những điểm tập kết gạo lậu của người Hoa ở Bắc Kỳ là Hải Phòng, ở Nam Kỳ là Gia Định.

Trong thời kỳ vua Minh Mệnh trị vì, ông đã ra một số dụ cấm và xử phạt nghiêm khắc Hoa thương đến mua gạo lậu. Tháng 1-1837, quan

Trần thủ thành Gia Định tâu xin cho thuyền buôn của thương nhân Thanh triều đã nộp thuế được đi buôn ở Nam Kỳ rồi ra Bắc Kỳ, vua Minh Mệnh liền dụ rằng: “Người buôn nước Thanh, gian dối trăm vẻ, từ trước đến giờ, nói dối là đóng thuyền đi buôn, trong đó ngấm chở thóc gạo, mua trộm thuốc phiện, đã nhiều lần, vỡ lở ra rồi. Trước đây theo lời bàn của kinh lược sứ, không cho ra biển đi buôn, cốt để ngăn dứt sự gian ác, nay lại tâu xin cho chúng, sao không nghĩ bọn chúng khi đã ra ngoài biển, tự do đi vào Nam ra Bắc, có thể giữ được tộ ư?” [11, 20].

Hoa thương sử dụng thuyền buồm làm phương tiện vận tải gạo. Họ mua gạo từ các địa phương rồi chuyển về nơi tập kết lớn. Mỗi thuyền chở được từ 2 đến 3 tấn gạo. Người Hoa có diện mạo khá giống với người Việt nên dễ dàng trà trộn về các địa phương để mua trộm gạo. Bộ phận Hoa kiều mua gạo thuận lợi hơn khi được phép tự do đi lại ở trong nước. Triều đình dù đã có những chế tài xử lý nghiêm khắc, nhưng trong thực tế đã không thể ngăn chặn được Hoa thương mua bán gạo lậu ở Việt Nam để tuồn ra nước ngoài. Tuy triều đình nắm độc quyền xuất khẩu gạo, nhưng Hoa thương mới là kẻ thao túng thị trường xuất khẩu gạo ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX.

Một vài nhận xét

1. Trong nửa đầu thế kỷ XIX khi đất nước còn độc lập, triều Nguyễn đã ban hành không ít chính sách liên quan đến việc quản lý và sử dụng gạo. Việc triều Nguyễn xác định rõ các đơn vị đo lường, định giá gạo, tổ chức vận tải và lưu trữ gạo, chống đầu cơ tích trữ gạo, hạ giá gạo, tổ chức cứu đói dân nghèo, v.v.. phần nào cho thấy sự quan tâm của triều Nguyễn đến đời sống của dân chúng. Một bộ phận dân chúng trong những thời điểm cụ thể đã được hưởng lợi từ những chính sách này của triều Nguyễn.

2. Mục tiêu hàng đầu của các chính sách quản lý và sử dụng gạo của triều Nguyễn là để ổn định chính sách kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, đồng thời để bảo vệ những lợi ích cốt lõi của triều Nguyễn, đó là ngai vàng của các vua Nguyễn, lợi ích của hoàng tộc và quan lại, và xiềng xích nông dân với triều đình.

3. Sự độc quyền buôn bán gạo phản ánh chính sách thương mại thiên cận của triều Nguyễn. Chính sách này thực tế đã đẩy chế độ phong kiến Việt Nam dưới triều Nguyễn lún sâu vào bế tắc và khủng hoảng, triệt tiêu đi yếu tố kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp, kìm hãm lực lượng sản xuất nông nghiệp, và trái với quy luật cung cầu của nền kinh tế. Sự độc quyền buôn bán gạo còn phản ánh chính sách đóng cửa của triều Nguyễn. Chính sách này đã gây tổn hại nghiêm trọng cho nền ngoại thương nước nhà, làm cho đất nước mất đi nhiều nguồn ngoại lực để phát triển, đồng thời đẩy nhanh tiến trình xâm lược Việt Nam của thực dân phương Tây.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, t. 23, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, t. 24, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.
- [3] Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, t. 25, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, t. 27, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, t. 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, t. 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, t. 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, t. 4, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, t. 5, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.

[10] Yoshiharu Tsuboi: Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847 - 1885, Nxb. Tri thức, 2011.

[11] Thành Thế Vỹ: Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỉ XVII, XVIII và đầu XIX, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961

The Nguyen Dynasty's Policy of Controlling and consuming rice during the Period 1802-1858

Trần Việt Nghĩa

*Faculty of History, VNU University of Social Sciences and Humanities
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hanoi, Vietnam*

Abstract: During the first half of the 19th century, the Nguyen dynasty had implemented a number of regulations on controlling and using rice in Vietnam. The Nguyen dynasty showed their concern for people's life and at the same time maintained the power of central authority. By tightening the rice trading activities, the Nguyen feudal court inhibited the Vietnamese agricultural development as well as restricted trade relations between Vietnam and other countries, and partially led the country go deeper into the economic and social crisis.